

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
NAM**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT

HUYỆN TÂN HIỆP

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

TỈNH KIÊN GIANG

Bản án số: **08/2018/HNGĐ-ST**

Ngày 01/02/2018

Về việc “Tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HIỆP, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông **Trần Bá Kha**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. ông **Vũ Quang Hưng**

2. ông **Nguyễn Ngọc Chúc**

- *Thư ký phiên tòa:* bà **Huỳnh Thị Cẩm Ni** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:* bà **Lê Thị Bích Thủy** – Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 02 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Kiên Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 38/2017/TLST- HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2017 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2018 QĐST-HNGĐ ngày 10/01/2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị Y** – sinh năm 1972 (Có mặt)

Địa chỉ: ấp L, xã Đ, huyện Tân H, tỉnh Kiên Giang.

2. *Bị đơn:* Anh **Trần Thanh H** – sinh năm 1969 (Có mặt)

Địa chỉ: ấp L, xã Đ, huyện H, tỉnh Kiên Giang.

3. *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Ông **Nguyễn Mạnh D** – sinh năm 1959 (Vắng mặt)

3.2. Bà **Nguyễn Thị H** – sinh năm 1960 (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp L, xã Đ, huyện , tỉnh Kiên Giang

3.3. Bà **Nguyễn Thị Đ** – sinh năm 1940 (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp P, xã Đ, huyện H, tỉnh Kiên Giang

3.4 Bà **Nguyễn Thị Đ** – sinh năm 1969 (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp H, xã T, huyện H, tỉnh Kiên Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện, tại phiên tòa chị Nguyễn Thị Y trình bày:***

Chị Nguyễn Thị Y và anh Trần Thanh H chung sống với nhau vào năm 1997, không có đăng ký kết hôn, vợ chồng có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán của địa phương. Trước khi cưới vợ chồng có tìm hiểu nhau trước khoảng 03 tháng mới tiến tới hôn nhân, hôn nhân tự nguyện, không bị cưỡng ép. Quá trình chung sống lúc đầu hạnh phúc đến khoảng cuối năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng luôn bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống, có lối sống không phù hợp, thường xuyên cự cãi, mỗi lần cự cãi thì vợ chồng lại càng mâu thuẫn thêm, chị Y có khuyên anh H nhiều lần nhưng anh không thay đổi nên dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn được. Nay chị Y xét thấy tình cảm vợ chồng không thể chung sống với nhau được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 8 năm 2016 đến nay.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung: Trần Y Đ - sinh ngày 25/02/1999. Trần Y Khánh V - sinh ngày 01/01/2006. Hiện nay các cháu đang sống chung với anh H; chị Y hiện nay không có thai với anh H.

- Về tài sản chung: Quá trình chung sống vợ chồng tạo lập được khối tài sản chung là:

+ Diện tích đất có chiều ngang 6,3m, chiều dài 15m. Trên đất có cất căn nhà có chiều ngang 6m, chiều dài 15m, mái lợp tol, vách xây tường, nền lát gạch tàu. Đất tọa lạc tại ấp L, xã Đ, huyện H, tỉnh Kiên Giang. Đất mé sông nên chưa được cấp GCNQSDĐ, giá trị tài sản khoảng 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng).

+ Diện tích đất trồng cây lâu năm tại tờ bản đồ số 7, thửa đất số 823, diện tích 3.458m², đất tọa lạc tại ấp An T, xã A, huyện T, tỉnh Kiên Giang, GCNQSDĐ mang tên Trần Thanh H và Nguyễn Thị Y do UBND huyện T cấp ngày 26/3/2008, trị giá khoảng 400.000.000đ (Bốn trăm triệu đồng), giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hiện nay anh H đang quản lý và đã giao trả cho chị Y tại phiên tòa.

- Về phần nợ chung: Vợ chồng nợ mẹ ruột chị Y là bà Nguyễn Thị Đ, trú tại ấp P, xã A, huyện H, tỉnh Kiên Giang số vàng là 03 (Ba) chỉ vàng 24k. Nợ chị

Nguyễn Thị Đ, trú tại ấp H, xã T, huyện H, Kiên Giang số tiền là 4.000.000đ (Bốn triệu đồng).

+ Phần người khác nợ vợ chồng: Không có

Nay tại Tòa án tôi yêu cầu:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Y xin được ly hôn với anh H.
- *Về con chung*: Tùy ý các con, con theo ai người đó nuôi dưỡng.
- *Về tài sản chung*: Yêu cầu chia theo quy định pháp luật. Tôi yêu cầu được nhận miếng đất tại huyện T, giao căn nhà và đất tại ấp L cho anh H. Yêu cầu Tòa án đo đạc và định giá nếu chênh lệch thì thời tiền chênh lệch lại cho nhau.
- *Về nợ chung*: Vợ chồng đã thỏa thuận xong, không yêu cầu tòa án giải quyết.

*** Bị đơn anh Trần Thanh H trình bày:** anh Hùng đồng ý với lời trình bày của chị Y về ngày vợ chồng chung sống, không có đăng ký kết hôn, có 02 con chung, nguyên nhân mâu thuẫn, có tài sản chung và có nợ chung như trên là đúng. Về mâu thuẫn anh H cho rằng, lỗi của cả hai bên và anh H biết có lỗi với vợ và anh H vẫn còn thương vợ con, không muốn ly hôn. Anh H hứa nếu chị Y quay trở về chung sống thì sẽ sửa đổi tính tình.

Nay anh Hùng yêu cầu Tòa án giải quyết:

- *Về quan hệ hôn nhân*: anh H không đồng ý ly hôn với chị Y, vì anh cho rằng vẫn còn thương vợ con. Còn nếu chị Y cương quyết xin ly hôn thì anh H đồng ý ly hôn.
- *Về con chung*: Nếu chị Y cương quyết ly hôn thì anh H yêu cầu được nuôi con, yêu cầu chị Y cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.
- *Về tài sản chung*: Vợ chồng đã thỏa thuận xong yêu cầu tòa án ghi nhận trong bản án.
- *Về nợ chung*: Vợ chồng đã thỏa thuận xong, không yêu cầu tòa án giải quyết..

*** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Mạnh D, bà Nguyễn Thị H cùng trình bày:**

Vợ chồng tôi có để cho vợ chồng anh H chị Y sử dụng phần đất chiều ngang mặt tiền là 0,2m, mặt hậu là 0,2m và chiều dài là hết chiều dài của phần đất từ lộ

tới mé sông Cái Sắn và hiện nay vợ chồng anh H, chị Y đã xây vách tường trên phần đất đó. Chúng tôi thống nhất là cho vợ chồng anh H, chị Y trả lại cho vợ chồng tôi bằng giá trị đất theo kết quả định giá của giá thị trường của cơ quan nhà nước và chúng tôi đã thỏa thuận xong, không yêu cầu tòa án giải quyết.

**** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Đ trình bày:***

Tôi là mẹ ruột của Nguyễn Thị Y tôi có cho vợ chồng Y – H mượn 3 chỉ vàng 24K. Nay tôi đồng ý để cho Y là người đứng ra trả số nợ này cho tôi, tôi không yêu cầu tòa án giải quyết.

**** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Đ trình bày:***

Tôi là chị ruột của Nguyễn Thị Y tôi có cho vợ chồng Y – H mượn số tiền là 4.000.000đ (Bốn triệu đồng). Nay tôi đồng ý để cho em Y là người đứng ra trả số nợ này cho tôi , tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến cho rằng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử, đã tuân theo đúng pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm hội đồng xét xử nghị án là chấp hành tốt. Tuy nhiên vụ án còn để quá hạn luật định. Ý kiến về việc giải quyết vụ án và đề nghị hội đồng xét xử:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Không công nhận chị Nguyễn Thị Y và anh Trần Thanh H là vợ chồng.

- **Về quan hệ con chung:** Đối với cháu Trần Y Đ - sinh ngày 25/02/1999 đã đủ tuổi trưởng thành trên 18 tuổi, phát triển bình thường , không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của chị Nguyễn Thị Y, anh Trần Thanh H, và nguyện vọng của cháu V, tiếp tục giao các cháu Trần Y Khánh V – sinh ngày 01/01/2006; cho anh Trần Thanh H trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng; chị Nguyễn Thị Y phải cấp dưỡng nuôi con là cháu Trần Y Khánh V – sinh ngày 01/01/2006 hàng tháng số tiền là 650.000đ/ tháng (Sáu trăm năm

mười nghìn đồng) cho đến khi cháu Trần Y Khánh V đủ 18 tuổi. Không ai có quyền cản trở việc tới lui thăm nom chăm sóc con chung.

Vì quyền lợi của con, khi cần thiết anh chị có quyền yêu cầu thay đổi quyền nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

- **Về quan hệ tài sản chung:** Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận chia tài sản chung trong bản án cụ thể như sau:

Chia cho anh Trần Thanh H được quyền sở hữu và sử dụng toàn bộ tài sản là căn nhà và đất tọa lạc tại: số 248, ấp L, xã Đ, huyện H, tỉnh Kiên Giang

Chia cho Chị Nguyễn Thị Y được quyền sở hữu và sử dụng toàn bộ tài sản: là thửa đất Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK568121 vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 0011779 mang tên ông Trần Thanh H và bà Nguyễn Thị Y đất tọa lạc tại: ấp T, xã A, huyện T, tỉnh Kiên Giang do UBND huyện T cấp ngày 26/3/2008.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án không có yêu cầu gì, đề nghị Hội đồng xét xử miễn xét.

Về chi phí tố tụng và tiền án phí đề nghị hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về thủ tục tố tụng:** Ông Nguyễn Mạnh D, Bà Nguyễn Thị H, Bà Nguyễn Thị Đ, Bà Nguyễn Thị Đ có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 16/3/2017. Nay vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án là phù hợp với pháp luật.

[2] **Về quan hệ hôn nhân:** Xét mối quan hệ hôn nhân giữa chị Y và anh H là vi phạm vào Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 sửa đổi bổ sung năm 2010 và theo quy định tại khoản 1 Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Bởi vì anh, chị chung sống với nhau vào năm 1997 mà không thực hiện việc đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật : “*Nam, nữ không đăng ký kết hôn mà sống chung với nhau như vợ chồng thì không được pháp luật công nhận là vợ chồng*”. Chính vì vậy xác định mối quan hệ hôn nhân giữa chị Y và anh H không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Nghĩ nên không công nhận chị

Nguyễn Thị Y và anh Trần Thanh H là vợ chồng là có cơ sở và phù hợp với pháp luật.

[3] **Về quan hệ con chung:** Chị Y và anh H xác nhận vợ chồng có 02 người con chung Trần Y Đ - sinh ngày 25/02/1999 và Trần Y Khánh V - sinh ngày 01/01/2006. Các cháu đã có giấy khai sinh và đang sống chung với anh H, chị Y xác nhận hiện nay chị không có thai. Theo quy định tại Điều 20, 21 BLDS năm 2015 “Người thành niên là người từ đủ 18 tuổi trở lên, người chưa thành niên là người chưa đủ 18 tuổi”. Theo quy định tại Điều 81, 82 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 “ Sau khi ly hôn cha mẹ vẫn có quyền nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chưa thành niên hoặc đã thành niên bị tàn tật, mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình. Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con ...”. Như vậy cháu Trần Y Đ đã lớn trên 18 tuổi, phát triển bình thường không yêu cầu tòa án giải quyết nên tòa miễn xét, còn cháu Trần Y Khánh V - sinh ngày 01/01/2006 chưa thành niên vì chưa đủ 18 tuổi. Bên cạnh đó, tại biên bản lấy lời khai cháu V có nguyện vọng xin được sống với cha là anh H. Tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình quy định “Vợ chồng tự thỏa thuận với nhau về người trực tiếp nuôi con, quyền và nghĩa vụ của mỗi bên khi ly hôn đối với con, nếu không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con”. Ở đây chị Y và anh H đã thỏa thuận được với nhau về người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn là anh H; và nguyện vọng của cháu V là được ở với cha, Hội đồng xét xử nghĩ nên ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của chị Y và anh H, tiếp tục giao Trần Y Khánh V - sinh ngày 01/01/2006 cho anh H Trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng và buộc chị Y phải cấp dưỡng nuôi con hàng tháng cho cháu Trần Y Khánh V số tiền là 650.000đ/tháng (Sáu trăm năm mươi nghìn đồng) cho đến khi cháu V đủ 18 tuổi. Không ai có quyền cản trở việc tới lui thăm nom con chung. Vì quyền lợi của con; khi cần thiết anh chị có quyền yêu cầu thay đổi quyền nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

[4] **Về quan hệ tài sản chung:**

Chị Nguyễn Thị Y và anh Trần Thanh H xác nhận tài sản chung của vợ chồng gồm các tài sản sau và **yêu cầu tòa án ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận chia tài sản chung của vợ chồng trong bản án cụ thể như sau:**

*** Chia cho anh Trần Thanh H được quyền sở hữu và sử dụng toàn bộ tài sản là căn nhà và đất tọa lạc tại: số 248, ấp L, xã Đ, huyện H, tỉnh Kiên Giang như sau:**

- Diện tích đất tọa lạc tại mé sông nên chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Số đo thực tế theo hình 1,5,11,12 và diện tích cụ thể như sau:

- Chiều ngang:
 - + Mặt tiền giáp với Quốc lộ 80 cạnh 5,11 là 6,2m.
 - + Mặt hậu giáp với sông cái sắn cạnh 1,12 là 6,4m.
- Chiều dài:
 - + Giáp với đất của ông Nguyễn Mạnh D cạnh 12,11 là 17,8m.
 - + Giáp với đất của ông Nguyễn Văn L cạnh 1,5 là 17,8m.

Với tổng diện tích theo số đo thực tế là 112,06 m². (trong đó diện tích đất sử dụng làm các công trình: sân bê tông là 17,3m; nhà chính 65,9m; nhà phụ 13,3m; sân trước 12m) . Toàn bộ khu đất thuộc hành lang an toàn giao thông quốc lộ 80 và sông cái sắn.

Các công trình xây dựng trên đất như sau:

- Sân bê tông phía trước: Giáp quốc lộ 80 chiều ngang trước sau 6,2m, chiều dài hai bên bằng nhau 2m. Diện tích là 12m².
- Nhà phụ : (nhà che phía trước) xây dựng năm 2000; kết cấu cột sắt nền gạch tàu, 30cm x 30cm; đòn tay vì kèo sắt, mái tôn sóng vuông, diện tích 2,2m x 6,2m là 13,3m². Hiện trạng xuống cấp nhẹ, đang sử dụng bình thường.
- Nhà chính : xây dựng năm 2000; kết cấu móng bê tông cốt thép, cột bê tông cốt thép, nền gạch tàu 30cm x 30cm; tường xây 10cm, đòn tay vì kèo gỗ, cửa chính sắt kéo dài loan, cửa sau sắt vuông, mái tôn sóng vuông, diện tích 6,3m x 10,8m là 65,9m². Hiện trạng xuống cấp, cửa chính bị rỉ sét nền bị nứt nhẹ, đang sử dụng bình thường.
- Nhà phía sau (sân bê tông) : xây dựng năm 2000; kết cấu cột trụ bê tông cốt thép, sàn bê tông cốt thép, cột bê tông cốt thép; tường xây 10cm, đòn tay vì kèo gỗ, cửa sau sắt kính, mái tôn sóng vuông, nhà vệ sinh cá nhân tự hoại bên trong nhà sân phía sau có diện tích 6,4m x 2,8m là 17,3m². Hiện trạng đang sử dụng bình thường.

*** Chia cho Chị Nguyễn Thị Y được toàn quyền sở hữu và sử dụng toàn bộ tài sản: là số đất Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK567121 vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 0011779 mang tên ông Trần Thanh và chị Nguyễn Thị Y đất tọa lạc tại: ấp T, xã A, huyện T, tỉnh Kiên Giang**

do UBND huyện T cấp ngày 26/3/2008. Thửa đất trồng cây lâu năm khác, thời hạn sử dụng 10/2048, đất tại tờ bản đồ số 7; số thửa 823. diện tích theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 3.485m² Đất tọa lạc tại ấp T, xã A, huyện T, tỉnh Kiên Giang. Có vị trí tứ cạnh theo hình vẽ trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên.

Khi án có hiệu lực pháp luật: Về quyền sử dụng đất của chị Nguyễn Thị Y; có quyền đến UBND huyện Th, tỉnh Kiên Giang để tiến hành các làm thủ tục sang tên cho chị Nguyễn Thị Y từ tên anh Trần Thanh H chuyển sang cho chị Nguyễn Thị Y có toàn quyền sử dụng theo quy định của Luật Đất đai, chi phí, lệ phí chuyển quyền do chị Nguyễn Thị Y phải chịu.

[5] - **Về phần tiền chênh lệch khi chia tài sản:** Chị Y và anh H thỏa thuận anh Trần Thanh H phải trả cho chị Nguyễn Thị Y số tiền là 23.261.000đ (Hai mươi ba triệu hai trăm sáu mươi một nghìn đồng). Nhưng tại phiên tòa chị Y không yêu cầu anh H phải trả ; nên Hội đồng xét xử miễn xét.

- *Về tài sản khác:* Vợ chồng tự thỏa thuận xong , không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6]- **Về quan hệ nợ chung:** Các bên tự nguyện thỏa thuận; anh Trần Thanh H chị Nguyễn Thị Y , bà Nguyễn Thị Đ, chị Nguyễn Thị Đ đã tự thỏa thuận được với nhau, giao số nợ 3 chỉ vàng 24K của bà Nguyễn Thị Đ và số nợ 4.000.000đ (Bốn triệu đồng) của bà Nguyễn Thị Đ cho chị Nguyễn Thị Y có trách nhiệm trả nợ cho bà Nguyễn Thị Đ, chị Nguyễn Thị Đ; anh Trần Thanh H chị Nguyễn Thị Y, bà ông Nguyễn Mạnh D, bà Nguyễn Thị H đã tự thỏa thuận được với nhau, giao số nợ theo thỏa thuận tiền đất và tiền tô tường xây là 18.518.000đ (Mười tám triệu năm năm mươi tám nghìn đồng) phải trả ông Nguyễn Mạnh D, chị Nguyễn Thị H giao cho anh Trần Thanh H có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Mạnh D, chị Nguyễn Thị H. Các bên đã tự thỏa thuận xong, không yêu cầu tòa án giải quyết. Nên hội đồng xét xử miễn xét.

[7] **Về phần chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá:** Áp dụng các Điều 157,158 164 và Điều 165 BLTTDS năm 2015. Đối với nguyên đơn bà Nguyễn Thị Y yêu cầu thẩm định giá và đo đạc đất, bà Nguyễn Thị Y đã đóng số tiền là 314.000đ (Ba trăm mười bốn nghìn đồng) theo hóa đơn giá trị gia tăng số 0021299 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện H tỉnh Kiên Giang và 3.148.000đ (Ba triệu một trăm bốn mươi tám nghìn đồng) tiền thẩm định giá theo hóa đơn giá trị gia tăng số 0001862 ngày 07/12/2017 của công ty cổ phần Bất động sản Kiên Giang và 2.500.000đ tiền thẩm định giá theo hóa đơn giá trị gia tăng số 0001862 ngày 07/12/2017 của Công Ty TNHH Tư Vấn và Thẩm Định Giá Đông Nam Bộ. Tại phiên tòa chị Nguyễn Thị Y đồng ý và tự nguyện chịu hết các chi phí

này và đã nộp xong. Hội đồng xét xử xét thấy việc tự chịu toàn bộ chi phí tố tụng này của bà Nguyễn Thị Y là phù hợp pháp luật.

[8] **Về án phí:** Áp dụng điểm a, điểm d khoản 5 Điều 27; điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- **Về án phí HNST:** Buộc chị Nguyễn Thị Y phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo lai thu số 0009891 ngày 01/3/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Kiên Giang.

- **Về án phí cấp dưỡng nuôi con:** Buộc chị Nguyễn Thị Y phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí cho chị Nguyễn Thị Y số tiền 8.000.000đ (Tám triệu đồng) theo lai thu tiền tạm ứng án phí đã nộp số 0009892 ngày 01/3/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Kiên Giang. Chị Nguyễn Thị Y còn được nhận lại số tiền tạm ứng án phí là 7.700.000đ (Bảy triệu bảy trăm nghìn đồng) theo lai thu nói trên.

Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong hạn luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 sửa đổi bổ sung năm 2010;

- Áp dụng khoản 1 Điều điều 131, khoản 1 Điều 56; 57, 59, 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng khoản 1 Điều 228 , Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Nguyễn Thị Y và anh Trần Thanh H là vợ chồng.

2. Về quan hệ con chung: Đối với cháu Trần Y Đ - sinh ngày 25/02/1999 đã đủ tuổi trưởng thành trên 18 tuổi, phát triển bình thường, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của chị Nguyễn Thị Y, anh Trần Thanh Hùng, và nguyện vọng của cháu Trần Y Khánh V, tiếp tục giao cháu Trần Y Khánh V – sinh ngày 01/01/2006; cho anh Trần Thanh H trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng; chị Nguyễn Thị Y phải cấp dưỡng nuôi con hàng tháng cho cháu Trần Y Khánh V số tiền là 650.000đ/tháng (Sáu trăm năm mươi nghìn đồng) cho đến khi cháu Trần Y Khánh V đủ 18 tuổi. Không ai có quyền cản trở việc tới lui thăm nom chăm sóc con chung.

Vì quyền lợi của con, khi cần thiết anh chị có quyền yêu cầu thay đổi quyền nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

3. Về quan hệ tài sản chung :

3.1. Chia cho anh Trần Thanh H được quyền sở hữu và sử dụng toàn bộ tài sản là căn nhà, công trình xây dựng trên đất và đất tọa lạc tại: số 248, ấp L, xã Đ, huyện H, tỉnh Kiên Giang như sau:

Diện tích đất tọa lạc tại mé sông nên chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Số đo thực tế theo hình 1,5,11,12 và diện tích cụ thể như sau:

- Chiều ngang: + Mặt tiền giáp với Quốc lộ 80 cạnh 5,11 là 6,2m.
+ Mặt hậu giáp với sông cái sắn cạnh 1,12 là 6,4m.

- Chiều dài:

+ Giáp với đất của ông Nguyễn Mạnh D cạnh 12,11 là 17,8m.

+ Giáp với đất của ông Nguyễn Văn L cạnh 1,5 là 17,8m.

Với tổng diện tích theo số đo thực tế là 112,06 m². (Trong đó: diện tích đất sử dụng làm các công trình: sân bê tông là 17,3m; nhà chính 65,9m; nhà phụ 13,3m; sân trước 12m). (Toàn bộ khu đất thuộc hành lang an toàn giao thông quốc lộ 80 và sông cái sắn).

Các công trình xây dựng trên đất như sau:

- *Sân bê tông phía trước:* Giáp quốc lộ 80 chiều ngang trước sau 6,2m, chiều dài hai bên bằng nhau 2m. Diện tích là 12m².

- *Nhà phụ :* (nhà che phía trước) xây dựng năm 2000; kết cấu cột sắt nền gạch tàu, 30cm x30cm; đòn tay vì kèo sắt, mái tôn sóng vuông, diện tích 2,2m x 6,2m là 13,3m². Hiện trạng xuống cấp nhẹ, đang sử dụng bình thường.

- *Nhà chính :* xây dựng năm 2000; kết cấu móng bê tông cốt thép, cột bê tông cốt thép, nền gạch tàu 30cm x30cm; tường xây 10cm, đòn tay vì kèo

gỗ, cửa chính sắt kéo dài loang, cửa sau sắt vuông, mái tôn sóng vuông, diện tích 6,3m x 10,8m là 65,9m². Hiện trạng xuống cấp, cửa chính bị rỉ sét nền bị nứt nhẹ, đang sử dụng bình thường.

- *Nhà phía sau (sàn bê tông)* : xây dựng năm 2000; kết cấu cột trụ bê tông cốt thép, sàn bê tông cốt thép, cột bê tông cốt thép; tường xây 10cm, đòn tay vì kèo gỗ, cửa sau sắt kính, mái tôn sóng vuông, nhà vệ sinh cá nhân tự hoại bên trong nhà sân phía sau có diện tích 6,4m x 2,8m là 17,3m². Hiện trạng đang sử dụng bình thường.

3.2. Chia cho Chị Nguyễn Thị Y được toàn quyền sở hữu và sử dụng toàn bộ tài sản: là sổ đất Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK567121 vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 0011779 mang tên ông Trần Thanh H và chị Nguyễn Thị Y đất tọa lạc tại: ấp T, xã A, huyện T, tỉnh Kiên Giang do UBND huyện T cấp ngày 26/3/2008. Thửa đất trồng cây lâu năm khác, thời hạn sử dụng 10/2048, đất tại tờ bản đồ số 7; số thửa 823. diện tích theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 3.485m² Đất tọa lạc tại ấp T, xã A, huyện T, tỉnh Kiên Giang. Có vị trí tứ cạnh theo hình vẽ trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên.

Khi án có hiệu lực pháp luật: Về quyền sử dụng đất của chị Nguyễn Thị Y; có quyền đến UBND huyện T, tỉnh Kiên Giang để tiến hành các làm thủ tục điều chỉnh, sang tên cho chị Nguyễn Thị Y từ tên anh Trần Thanh H và chị Nguyễn Thị Y chuyển sang tên cho chị Nguyễn Thị Y có toàn quyền sử dụng theo quy định của Luật đất đai, chi phí, lệ phí chuyển quyền do chị Nguyễn Thị Y phải chịu.

4. Về án phí:

- **Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:** Buộc chị Nguyễn Thị Y phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo lai thu số 0009891 ngày 01/3/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Kiên Giang.

- **Về án phí cấp dưỡng nuôi con:** Buộc chị Nguyễn Thị Y phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí cho chị Nguyễn Thị Y số tiền 8.000.000đ (Tám triệu đồng) theo lai thu tiền tạm ứng án phí đã nộp số 0009892 ngày 01/3/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Kiên Giang. Chị Nguyễn Thị Y còn được nhận lại số tiền tạm ứng án phí là 7.700.000đ (Bảy triệu bảy trăm nghìn đồng) theo lai thu nói trên.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với ông Nguyễn Mạnh D, bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị Đ, bà Nguyễn Thị Đ vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tân Hiệp;
- Chi cục THADS huyện Tân Hiệp;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- UBND xã Thanh Đông;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Bá Kha